| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CAI LẬY**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 62/2018/DS-ST
Ngày: 18-4-2018
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh.

2. Bà Nguyễn Thị Loan.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đặng Nhật Trường – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2018/TLST-DS ngày 17/01/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXX-DS ngày 22 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị I, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* 1. Anh Phan Văn S, sinh năm 1972.

2. Chị Lê Thị U, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh T.

Bà I có mặt, bà U vắng mặt, anh S có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/01/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà I trình bày: Bà có tham gia chơi hụi do vợ chồng anh S chị U làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi tháng 500.000 đồng, khui vào ngày 15/5/2017 âm lịch, có tổng cộng 30 phần, bà tham gia 02 phần và còn sống, bà đóng được đầy đủ 12 kỳ hụi. Sau đó anh S chị U tuyên bố bể hụi nên bà ngưng đóng cho đến nay. Trong dây hụi này anh S chị U còn nợ bà 5.000.000 đồng tiền hụi

Ngoài ra vào ngày 01/5/2017, bà có cho anh S và chị U vay số tiền 100.000.000 đồng và có làm biên nhận. Sau đó thì anh S và chị Hai đã trả được 13.000.000 đồng nên còn nợ lại 87.000.000 đồng, bà có nhiều lần yêu cầu anh S và chị U trả số tiền trên nhưng anh S và chị U cố tình tránh né.

Nay, bà yêu cầu vợ chồng anh S chị U có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 5.000.000 đồng và tiền vay 87.000.000 đồng, tổng cộng 92.000.000 đồng. Yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 08/02/2018, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị U trình bày: Chị thừa nhận bà I có tham gia chơi 02 phần hụi do chị làm chủ hụi là loại hụi tháng 500.000 đồng, khui vào ngày 15/5/2017 âm lịch. Sau khi khui hụi được 12 kỳ thì chị tuyên bố bể hụi. Nay chị còn nợ lại bà I tiền hụi vốn gốc 5.000.000 đồng và số tiền vay chị nợ bà I 87.000.000 đồng. Chị đồng ý trả lại số tiền hụi và vay trên cho bà I, nhưng xin trả dần trong thời hạn 03 tháng.

Nay chị không đồng ý để anh S cùng trả nợ với chị. Do anh S không biết bà I là hụi viên tham gia chơi hụi do chị làm chủ hụi.

Tại bản tự khai ngày 08/02/2018, bị đơn anh S trình bày: Việc chị U vay tiền và làm hụi thì anh hoàn toàn không biết nên anh không đồng ý liên đới trả số tiền hụi 5.000.000 đồng và tiền vay 87.000.000 đồng cho bà I vì tiền hụi và tiền vay chị Hai tự chi tiêu cá nhân, không có đóng góp cho gia đình.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị U đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Anh S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị U, anh S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Đây là tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét bà I yêu cầu anh S và chị U trả số tiền nợ hụi 5.000.000 đồng và tiền vay 87.000.000 đồng, thấy rằng: Chị U đã thừa nhận hiện còn nợ bà I tiền hụi 5.000.000 đồng và tiền vay 87.000.000 đồng là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của bà I nên theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải

chứng minh. Do đó, chị Hai có nghĩa vụ trả cho bà I tiền hụi 5.000.000 đồng và tiền vay 87.000.000 đồng, tổng cộng 92.000.000 đồng.

Về trách nhiệm trả nợ của anh S, thấy: Tại Biên nhận nợ ngày 01/5/2017 do bà I cung cấp có nội dung, "Chị S có mượn của cô 5 I số tiền là 100.000.000 đồng" do chị U ký tên và được chị U thừa nhận. Điều đó chứng minh rằng khi vay chị U xác định là vợ chồng anh S, chị U cùng vay, không phải cá nhân chị U vay như lời trình bày của chị U và anh S. Chị U làm chủ hụi và tổ chức hụi tại nhà đã nhiều năm nhưng anh S lại xác định không biết là không có căn cứ. Mặt khác, anh S và chị U là vợ chồng mà khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, anh S phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị U trả tiền hụi và tiền vay cho bà I theo quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị I.

[4] Xét yêu cầu trả dần trong hạn 3 tháng của chị U là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt thòi quyền lợi cho bà I và không được bà I đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị U và anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 288, Điều 463, khoản 2 Điều 468 và Điều 471 Bộ luật dân sự; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị I.

2. Buộc anh Phan Văn S và chị Lê Thị U có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị I 5.000.000 đồng tiền hụi và 87.000.000 đồng tiền vay, tổng số tiền 92.000.000 đồng (Chín mươi hai triệu đồng).

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà I có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh S, chị U chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Về án phí: Anh Phan Văn S và chị Lê Thị U phải chịu 4.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Phạm Thị I 2.650.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 15192 ngày 17/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

5. Bà I có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Chị U, anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Công Vĩnh Đức**